TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **350**/2025/DS-ST
Ngày: 09-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.

2. Ông Phạm Văn Tuyền.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên toà: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Người đại diện theo pháp luật: Ông LEE YUN HYOUNG - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố H ủy quyền ngày 06 tháng 5 năm 2024

Bị đơn: Bà Thái Thị Kim L năm 1976(vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số kế nhà B ấp F, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền là bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Ngày 03/02/2020 Công ty T (Việt Nam) và bà Thái Thị Kim L1 có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 1223097 về việc cấp tín dụng cho bị đơn với nội dung như sau:

Số tiền vay: 42.200.000 đồng, bao gồm số tiền giải ngân là 40.000.000 đồng và 2.200.000 đồng phí bảo hiểm. Thời hạn vay: 51 tháng (từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/04/2024); lãi suất: 55%/năm.

Nguyên đơn đã giải ngân 40.000.000 đồng theo phiếu báo nợ ngày 03/02/2020 vào tài khoản số 0023100012027003 của bị đơn mở tại Ngân hàng TMCP P.

Sau khi được giải ngân bị đơn đã thanh toán 62.305.666 đồng (trong đó: Số tiền nợ gốc đã trả:12.599.913 đồng; lãi đã trả: 46.903.573 đồng; lãi chậm trả đã trả: 2.430.180 đồng; phí thu hộ đã trả: 372.000 đồng).

Tuy nhiên, từ ngày 12/09/2022 bị đơn đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T (Việt Nam) đã giải ngân.

Công ty T (Việt Nam) đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T (Việt Nam) cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bị đơn biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T (Việt Nam).

Do đó, Công ty T (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Thái Thị Kim L1 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng tiêu dùng số 1223097 ngày 03/02/2020 cho Công ty T (Việt Nam) tổng cộng số tiền tạm tính kể từ ngày 20/09/2022 (ngày chuyển nợ quá hạn) đến ngày 09/5/2025 là: 91.200.847 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 29.600.087 đồng; số tiền lãi trong hạn: 16.540.423 đồng; số tiền lãi quá hạn: 41.639.526 đồng; số tiền lãi chậm trả: 3420.811 đồng và tiếp tục thanh toán

tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/5/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự cho bị đơn bà Thái Thị Kim L1 tham gia tố tụng theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà L1.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Lâm Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Thái Thị Kim L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 196; khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam). Về án phí: Bà Thái Thị Kim L1 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Thái Thị Kim L1 có nơi cư trú tại huyện B nên căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Thái Thị Kim L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự giữa các bên đương sự ký kết vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng tiêu dùng số 1223097 ngày 03/02/2020 giữa Công ty T (Việt Nam) và bà Thái Thị Kim L1 có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Thái Thị Kim L1 và đại diện Công ty T (Việt Nam);

Căn cứ vào Phiếu báo nợ được in từ Ngân hàng điện tử của T1 thể hiện ngày 03/02/2020 Công ty T (Việt Nam) có chuyển vào số tài khoản của bà Thái Thị Kim L1 được lập tại Ngân hàng TMCP P số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 03/02/2020 Công ty T (Việt Nam) có cho bà Thái Thị Kim L1 vay số tiền 40.000.000 đồng;

Xét tính hợp pháp của sự thỏa thuận cho vay giữa các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nội dung và hình thức của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng tiêu dùng số 1223097 ngày 03/02/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..."* Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc..."*.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*.

Xét bị đơn bà Thái Thị Kim L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được nguyên đơn thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí

thanh toán đầy đủ nợ cho nguyên đơn là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng tiêu dùng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ lãi:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng tiêu dùng số 1223097 ngày 03/02/2020 được ký kết giữa các bên, nhận thấy sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng ngày 09/5/2025 và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngày 09/5/2025 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Thái Thị Kim L1 đã thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền là: 62.305.666 đồng (trong đó: Gốc đã trả: 2.599.913 đồng; lãi đã trả: 46.903.573 đồng; lãi chậm trả đã trả: 2.430.180 đồng; phí thu hộ đã trả: 372.000 đồng).

Kể từ ngày 12/09/2022 cho đến nay bị đơn đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đã ký kết. Do bà Thái Thị Kim L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn và yêu cầu bà Thái Thị Kim L1 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết vào ngày 03/02/2020.

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...".

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Do bị đơn bà Thái Thị Kim L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán các khoản lãi là có cơ sở theo quy định Điều 8.3 Hợp đồng tín dụng, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[4.3] Căn cứ kết quả xác minh ngày 03/12/2024 của Công an xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1176/TAQ5 ngày 05/12/2024 của Tòa án

nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn thì bà Thái Thị Kim L1 hiện đang tạm trú tại địa chỉ B ấp B, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thái Thị Kim L1 đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó nêu rõ yêu cầu của Công ty T (Việt Nam) về việc yêu cầu bà Thái Thị Kim L1 trả toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1223097 ngày 03/02/2020 nhưng bị đơn vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh và bị đơn phải chịu hậu quả về việc không phản đối và không chứng minh của mình.

[5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/5/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Thái Thị Kim L1 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng tiêu dùng số 1223097 ngày 03/02/2020 cho Công ty T (Việt Nam) tổng cộng số tiền tạm tính kể từ ngày 20/09/2022 (ngày chuyển nợ quá hạn) đến ngày 09/5/2025 là: 91.200.847 đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc: 29.600.087 đồng; số tiền lãi trong hạn: 16.540.423 đồng; số tiền lãi quá hạn: 41.639.526 đồng; số tiền lãi chậm trả: 3.420.811 đồng và bà L1 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/5/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty T (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, 119, Điều 280, Khoản 1 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà Thái Thị Kim L1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tổng cộng số tiền là: 91.200.847 đồng (chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là: 29.600.087 đồng; số tiền lãi trong hạn: 16.540.423 đồng; số tiền lãi quá hạn: 41.639.526 đồng; số tiền lãi chậm trả: 3.420.811 đồng,

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Thái Thị Kim L1 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Thị Kim L1 phải chịu 4.560.042 đồng (bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) số tiền 1.890.696 đồng (một triệu tám trăm chín mươi nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng) đã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036474 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (01);
- VKSND TP.HCM (01);
- VKSND huyện Bình Chánh (01);
- CC THADS huyện Bình Chánh (01);
- CC THADS Quận 5, Tp. HCM (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu hồ sơ (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Nguyễn Thanh Thảo